

Số: 32/2025/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự 18/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Xét Tờ trình số 378/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với thiệt hại do thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh chưa được hỗ trợ kể từ ngày Nghị định số 9/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo Nghị định số 9/2025/NĐ-CP.

2. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền tiếp nhận nhưng chưa thực hiện hỗ trợ kể từ ngày Nghị định số 116/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.

2. Các nội dung khác có liên quan chưa được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 9/2025/NĐ-CP và Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ bốn mươi ba thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2025.

Nơi nhận

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVP, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT- XH tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Đài PTTH Lạng Sơn; Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- Liên thông Hệ thống phần mềm HĐND;
- Lưu: VT, HSKH

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng
bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; mức hỗ trợ khắc
phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các mức hỗ trợ sau:

1. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, lâm nghiệp hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
2. Hỗ trợ cơ sở sản xuất có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc bệnh do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam được xác định theo quy định của pháp luật.
3. Hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang); tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra hoặc có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
2. Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.
3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản hoặc một phần chi phí sản xuất ban đầu; hỗ trợ một phần thiệt hại do dịch bệnh động vật (không đền bù thiệt hại).
2. Thực hiện hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc bằng giống cây, con, hiện vật. Giống cây, con, hiện vật hỗ trợ phải đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện sinh thái và thực tế của địa phương.

3. Việc hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, đủ điều kiện, đúng đối tượng, đúng định mức, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, không để xảy ra trục lợi chính sách, tiêu cực, lãng phí.

4. Trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, cùng một thời điểm thì cơ sở sản xuất và người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật được nhận hỗ trợ một chính sách cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương.

2. Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

MỨC HỖ TRỢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT

Điều 5. Đối tượng hỗ trợ

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 6. Mức hỗ trợ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích lúa:

- Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

- Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

- Sau gieo trồng trên 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích mạ:

Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích cây hằng năm khác:

- Giai đoạn cây con (*gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng*): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

- Giai đoạn cây đang phát triển (*trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng*): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

- Giai đoạn cận thu hoạch (*trên 2/3 thời gian sinh trưởng*): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây trồng lâu năm:

- Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

- Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

- Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

2. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

c) Diện tích vườn giống, rừng giống: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

- Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

- Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (*bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản*)

a) Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (*đầm/hầm*): hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

b) Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè: hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m³ thể tích nuôi bị thiệt hại.

c) Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác: hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

4. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (*chết, mất tích*) do thiên tai

a) Gia cầm (*gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu*) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 23.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 38.000 đồng/con.

b) Chim cút đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 4.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 8.000 đồng/con.

c) Lợn đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 550.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 1.050.000 đồng/con; lợn nái và lợn đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

d) Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò hướng sữa trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 8.050.000 đồng/con.

đ) Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 2.250.000 đồng/con; trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 5.050.000 đồng/con.

e) Hươu sao, cừu, dê, đà điểu: hỗ trợ 1.750.000 đồng/con.

g) Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 40.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 60.000 đồng/con.

h) Ong mật (đàn): hỗ trợ 400.000 đồng/đàn.

Điều 7. Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) trên địa bàn tỉnh có hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản khi bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, mức hỗ trợ bằng 1,0 lần mức hỗ trợ tại Quy định này.

Chương III

MỨC HỖ TRỢ KHẮC PHỤC DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Điều 8. Đối tượng hỗ trợ

1. Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh

nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) (sau đây gọi là cơ sở sản xuất), doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh động vật.

2. Người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống một hoặc một số bệnh động vật quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy định này theo phân công, huy động của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trên cơ sở tính chất, quy mô dịch bệnh để thực hiện một hoặc nhiều hoạt động sau đây:

- a) Thống kê; xác nhận thiệt hại do dịch bệnh động vật.
- b) Xử lý ổ dịch; lấy mẫu; mổ khám, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật; điều tra, xác minh dịch bệnh động vật; bắt, giữ, vận chuyển, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.
- c) Tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng để phòng, chống dịch bệnh động vật.
- d) Trực tổ, chốt, trạm để kiểm soát dịch bệnh động vật.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 9. Mức hỗ trợ đối với cơ sở sản xuất

- 1. Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn
 - a) Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi.
 - b) Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi.
 - c) Lợn: 40.000 đồng/kg hơi.
 - d) Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi.
 - đ) Chim cú: 20.000 đồng/kg hơi.
 - e) Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi.
 - g) Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cú, đà điểu): 20.000 đồng/kg.
- 2. Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản
 - a) Tôm giống (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) từ giai đoạn hậu ấu trùng Postlarvae 12 trở lên: 10.000.000 đồng/01 triệu con.
 - b) Cá giống (cá tra, cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg.
 - c) Diện tích nuôi tôm sú quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp): 9.000.000 đồng/ha.
 - d) Diện tích nuôi tôm sú (bán thâm canh, thâm canh): 12.000.000 đồng/ha.

đ) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng: 20.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 50 - 100 con/m²); 30.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 100 - 250 con/m²); 50.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 250 con/m²).

e) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha.

g) Diện tích nuôi cá tra thâm canh: 50.000.000 đồng/ha.

h) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha.

i) Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg.

k) Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg.

Điều 10. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

2. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

Điều 11. Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc bệnh do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam được xác định theo quy định của pháp luật, mức hỗ trợ bằng 1,0 lần mức hỗ trợ tại Quy định này.